

Bản án số: 53/2018/HS-ST

Ngày: 21/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Vũ Đức Bính.

2. Ông: Nguyễn Thái Bảo.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K - Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2018/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HS ngày 08/11/2018 đối với bị cáo :

Họ và tên: **Trần Văn V**, sinh năm 1970, tại huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKKHKT: xóm 8, xã Đ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L1 và bà Vũ Thị N1, có vợ là Phạm Thị N và 03 con; tiền án, tiền sự : không; Lịch sử bản thân: Quyết định số 18/QĐ-TA ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện K áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 08/6/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/8/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 02/8/2018(có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1978; Trú tại: xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Anh Bùi Khắc N2, sinh năm 1983; Trú tại: tổ 2, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1974; Trú tại: xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

*Người làm chứng: Ông Ninh Văn D, anh Nguyễn Văn K, ông Phạm Văn L và bà Lê Thị H, Phạm Thị T (đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Trần Văn V là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 31/7/2018, V điều khiển xe mô tô BKS 35N5 – 6673 đi từ nhà ở xóm 4, xã L đến khu vực cầu Đ thuộc huyện N, tỉnh Thanh Hóa (giáp với xã L, huyện K) mua được của người thanh niên không quen biết một gói ma túy với giá 2.000.000đ sau đó đưa về nhà chia thành 11 gói nhỏ bỏ vào 03 túi nilong màu trắng rồi cất giấu ở khu vực chuồng gà của gia đình để sử dụng cho bản thân và bán lại cho người khác khi có nhu cầu nhằm kiếm lời.

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 01/8/2018, Bùi Khắc N2 ở phố P, thị trấn P cùng Phan Văn Đ ở xóm 4, xã T rủ nhau mỗi người góp 100.000đ để mua ma túy sử dụng. N2 dùng điện thoại điện cho V hỏi mua 200.000đ ma túy thì V đồng ý và hẹn N2 ra khu vực nghĩa địa công giáo thuộc xóm 5, xã L. Khi đi V mang theo 02 gói ma túy, 02 bơm kim tiêm và 02 ống Novocain, ra tới nghĩa địa thì gặp N2 và Đ đang đứng chờ. Tại đây N2 đưa cho V 200.000đ, V nhận tiền rồi đưa cho N2 01 gói ma túy được gói ngoài bằng nilong màu đen và giấy trắng. Sau khi nhận ma túy, N2 hỏi và được V đưa cho 01 bơm kim tiêm và 01 ống novocain. Do thấy lượng ma túy nhiều và V hỏi xin nên N2 chia số ma túy làm ba phần cho Đ, V và N2 cùng sử dụng. V và N2 sử dụng bằng hình thức chích, còn Đ sử dụng bằng hình thức hít. Khi cả ba vừa sử dụng xong thì bị công an huyện K và công an xã L đang làm nhiệm vụ tại khu vực trên tiến hành kiểm tra, thu giữ 02 xilanh đã qua sử dụng, 01 giấy bạc màu vàng đã bị than hóa và 01 bật lửa tại vị trí của các đối tượng; V tự lấy trong túi ra giao nộp cho cơ quan công an 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng túi nilong màu đen cùng số tiền 200.000đ và khai nhận gói nhỏ giao nộp là hê rô in bị cáo đem theo trong người nhằm khi có người hỏi mua sẽ bán; số tiền 200.000đ là tiền bị cáo vừa bán cho Ngà 01 gói hê rô in và đã cùng N2 và Đ sử dụng hết. Cơ quan công an đã lập biên bản thu giữ vật chứng và lập biên bản phạm tội quả tang đối với V đồng thời thu giữ của V, N2 và Đ mỗi người 01 điện thoại di động, thu giữ xe mô tô BKS 35N5 - 6673 của V và xe mô tô BKS 35N1 – 8944 của Đ.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn V, cơ quan công an thu giữ tại lỗ gạch ở cửa chuồng gà 03 túi nilong màu trắng bên trong có 09 gói nhỏ được gói ngoài là túi nilong màu đen.

Tiến hành kiểm tra cân xác định trọng lượng, gói nhỏ do V giao nộp bên trong là chất bột dạng cục màu trắng có khối lượng 0,26 gam (ký hiệu M1), 03 túi nilong màu trắng thu tại nhà của V, gói thứ nhất bên trong có 01 gói được gói ngoài bằng túi nilong màu đen, tiếp đó là giấy vệ sinh, bên trong có chất bột dạng cục màu trắng, khối lượng 0,66 gam (ký hiệu M2); gói thứ hai bên trong có 02 gói nhỏ được gói bằng túi nilong màu đen, tiếp đó là giấy vệ sinh bên trong là chất bột dạng cục màu trắng có tổng khối lượng 1,54 gam (ký hiệu M3); gói thứ ba bên trong có 06 gói nhỏ được gói ngoài là túi nilong màu đen, tiếp đó là giấy trắng có dòng kẻ bên trong có chất bột dạng cục màu trắng có tổng khối lượng 0,43 gam (ký hiệu M4) để trưng cầu giám định.

Bản kết luận giám định số 150/KLGD-PC54-MT ngày 02/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi tới giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,2520 gam, M2 có khối lượng 0,6562 gam, M3 có khối lượng 1,5338 gam; M4 có khối lượng 0,4247 gam đều là ma túy, loại hê rô in.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKS-KS ngày 01/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay bị cáo Trần Văn V hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai nhận bản thân sử dụng ma túy từ năm 2015 bằng hình thức chích hê rô in và mặc dù đã bị Tòa án áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, nhưng sau khi chấp hành xong biện pháp cai nghiện bị cáo vẫn không từ bỏ được việc sử dụng ma túy. Nghe nói buôn bán ma túy có lãi nhiều nên bị cáo đi mua hê rô in về vừa sử dụng cho bản thân vừa bán lại cho người khác để kiếm lời. Tới ngày 31/7/2018 bị cáo đi xe mô tô của mình đến khu vực cầu Đ thuộc huyện N, tỉnh Thanh Hóa và mua được của một người đàn ông không quen biết khoảng 30 tuổi một gói hê rô in với giá 2.000.000đ. Khi về nhà bị cáo chia gói hê rô in thành 11 gói nhỏ, trong đó có 8 gói loại nhỏ hơn được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ và bọc bằng túi nilong màu đen sau đó bỏ chung cả 08 gói vào túi nilong màu trắng, còn 03 gói loại lớn hơn gói bằng giấy vệ sinh và bọc bằng túi nilong màu đen, sau đó chia thành 02 phần bỏ trong túi nilong màu trắng gồm 01 túi có 01 gói nhỏ và 01 túi có 02 gói, tất cả đều được cất giấu ở lỗ một viên gạch bị của tường chuồng gà nhà bị cáo. Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 01/8/2018 khi bị cáo đang ở nhà thì nhận được điện thoại của N2 hỏi mua 200.000đ ma túy, bị cáo đồng ý và hẹn N2 ra khu vực nghĩa địa công giáo thuộc xóm 5, xã L, sau đó bị cáo đi xe mô tô mang theo 02 gói ma túy, 02 bơm kim tiêm và 02 ống Novocain ra điểm hẹn thì gặp N2 và Đ đang đứng chờ, bị cáo đã bán cho N2 01 gói hê rô in lấy 200.000đ, còn 01 gói hê rô in bị cáo vẫn cất trong túi quần bò. Sau khi cùng N2 và Đ sử dụng hết gói hê rô in mà bị cáo đã bán cho N2 thì bị công an huyện K và công an xã L phát hiện lập biên bản. Bị cáo đã tự khai nhận hành vi bán ma túy của mình, đồng thời tự giao nộp cho cơ quan công an gói hê rô in còn lại mà bị cáo đang cất trong người và số tiền 200.000đ bị cáo vừa nhận của N2 từ việc bán hê rô in. Đồng thời bị cáo cũng thừa nhận số hê rô in mà cơ quan công an thu giữ tại nơi ở của bị cáo khi thi

hành lệnh khám xét chính là số hê rô in mà bị cáo đã cất giấu nhằm mục đích vừa để sử dụng dần vừa để bán cho người khác khi có người cần mua.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của Bùi Khắc N2 và Phan Văn Đ là người đã mua hê rô in của bị cáo, phù hợp với lời khai của người làm chứng, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu giữ, niêm phong và mở niêm phong vật chứng cân xác định trọng lượng, kết luận giám định về gói bột mà bị cáo tự giao nộp và các gói bột thu giữ tại nơi ở của bị cáo...

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận với hành vi bán trái phép hê rô in cho Bùi Khắc N2 lấy 200.000đ và cất giữ 2,8667 gam hê rô in với mục đích để bán cho người khác, bị cáo Trần Văn V đã phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ” quy định tại khoản 1 điều 251 BLHS năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo là người sử dụng ma túy biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người nhưng chỉ vì hám lợi đã ngang nhiên mua hê rô in về để sử dụng và bán lại cho người khác, làm phát sinh, phát triển tệ nạn ma túy gây khó khăn phức tạp cho việc phòng chống tội phạm về ma túy, vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng ;

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, đồng thời bị cáo đã tự khai nhận về hành vi bán hê rô in cho người khác và tự giao nộp gói hê rô in đang cất trong người cho cơ quan công an, đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Do bị cáo là người không có nghề nghiệp, thu nhập thấp và không có tài sản, do đó không cần áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS năm 2015 về việc phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5] Trong vụ án này, Bùi Khắc N2 và Phan Văn Đ là người nghiện ma túy đã góp tiền mua hê rô in của bị cáo để sử dụng cho bản thân. Xét chưa đủ điều kiện để xử lý về hình sự nên cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với Bùi Khắc N2 và Phan Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về nguồn gốc Hêrôin: Bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 30 tuổi ở khu vực cầu Đ thuộc huyện N, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo không quen biết người đó, có gặp lại cũng không nhận dạng được vì vậy cơ quan điều tra Công an huyện K không đủ cơ sở để điều tra.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phan Văn Đ chiếc xe mô tô BKS 35N1 – 8944 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Duos là tài sản của anh Đ không liên quan đến vụ án, đồng thời cơ quan công an cũng đã trả lại cho anh Bùi Khắc N2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar là tài sản của anh N2. Tuy nhiên, chiếc điện thoại trên anh N2 dùng để điện thoại cho bị cáo để mua hê rô in, đây là công cụ dùng vào việc

phạm tội, vì vậy cần tịch thu lại chiếc điện thoại trên từ anh N2 để hóa giá sung quỹ nhà nước. Số vật chứng hiện còn gồm 01 phong bì niêm phong ghi số 150/2018/GĐMT có chữ ký của bên giao, bên nhận và đóng dấu giáp lai của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình bên trong có chứa các mẫu vật là chất ma túy, loại hê rô in còn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong, trên phong bì có dấu niêm phong và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, bên trong có chứa các vỏ gói ngoài các gói nhỏ khi thu giữ và vỏ phong bì niêm phong các gói nhỏ khi phát hiện vi phạm và khi khám xét chỗ ở của bị cáo; 02 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong là những phong bì niêm phong khi thu giữ điện thoại và tiền từ bị cáo tại thời điểm bắt quả tang; 01 mảnh giấy bạc màu trắng - đen không rõ hình đã bị than hóa một phần, 01 bật lửa ga màu vàng, 02 bơm tiêm tất cả được niêm phong trong phong bì thư dán kín các mép, trên phong bì ghi phong bì số 3, có chữ ký xác nhận của người vi phạm và người liên quan, đây là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 200.000đ đã thu giữ là tiền do phạm tội mà có và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen thu giữ của bị cáo V, đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu sơn đỏ BKS 35N5 – 6673 thu giữ của bị cáo khi bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo mua lại của anh vợ bị cáo là ông Phạm Văn L với giá 3.000.000đ, đăng ký xe mang tên Lê Thị H ở xã H nhưng chưa làm thủ tục sang tên, khi bị cáo dùng xe mô tô thực hiện hành vi phạm tội chị N vợ bị cáo không biết vì vậy cần trả lại cho chị N nhưng cần tịch thu từ bị cáo 1/2 giá trị chiếc xe là 1.500.000đ để sung ngân sách nhà nước và cần tiếp tục quản lý chiếc xe mô tô trên để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật. Riêng việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra trong việc trả lại chiếc điện thoại dùng làm phương tiện phạm tội cho anh N2 là không đúng quy định của pháp luật vì vậy cần kiến nghị cơ quan điều tra rút kinh nghiệm khi xử lý vật chứng trong các vụ án sau này.

Vì lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 39 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 01/8/2018.

Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 150/2018/GĐMT có chữ ký của bên giao, bên nhận và đóng dấu giáp lai của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình bên trong có chứa các mẫu vật là chất ma túy, loại hê rô in còn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong, trên phong bì có dấu niêm phong và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, bên trong có chứa các vỏ gói ngoài các gói nhỏ

khi thu giữ và vỏ phong bì niêm phong các gói nhỏ khi phát hiện vi phạm và khi khám xét chỗ ở của bị cáo; 02 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong là những phong bì niêm phong khi thu giữ điện thoại và tiền từ bị cáo tại thời điểm bắt quả tang; 01 mảnh giấy bạc màu trắng - đen không rõ hình đã bị than hóa một phần, 01 bật lửa ga màu vàng, 02 bơm tiêm tất cả được niêm phong trong phong bì thư dán kín các mép, trên phong bì ghi phong bì số 3, có chữ ký xác nhận của người vi phạm và người liên quan.

Tịch thu số tiền 200.000đ do bán hê rô in mà có cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen đã thu giữ của bị cáo V và tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar từ anh Bùi Khắc N2 là công cụ dùng vào việc phạm tội để hóa giá sung quỹ nhà nước.

Tịch thu từ bị cáo Trần Văn V số tiền 1.500.000đ tương đương với 1/2 giá trị chiếc xe mô tô bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội để sung quỹ nhà nước

Trả lại cho chị Phạm Thị N chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu sơn đỏ BKS 35N5 – 6673 nhưng cần tiếp tục quản lý chiếc xe mô tô trên để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền tịch thu từ bị cáo.

(chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án dân sự huyện K lập ngày 02/11/2018).

Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc bị cáo Trần Văn V phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã Đ, Lưu P;
- Bị cáo; người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh